TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2019
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1964, địa chỉ: 274/1 ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1964, địa chỉ: 274/1 ấp TH, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà H và ông M cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông M tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay, có được gia đình tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật và bận lo làm kinh tế. Thời gian sống chung bà và ông M thường xuyên mâu thuẫn cãi vả nhau, ông M chửi bới và đánh đập bà nhiều lần. Nay không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu ly hôn với ông M và đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: 02 con chung là: Trần Thanh P, sinh ngày 10/7/1990 và Trần Thị Thúy H, sinh ngày 10/01/1993 đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung Đơn xin trình bày ý kiến và xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ông và bà H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990, có được gia đình tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật và bận lo làm kinh tế. Thời gian sống chung có 02 con chung Trần Thanh P, sinh ngày: 10/7/1990 và Trần Thị Thúy H1, sinh ngày: 10/01/1993. Do thời gian gần đây ông và bà H thường hay cãi vả nhau vì mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc làm ăn của gia đình; từ nguyên nhân này mà có lúc xô xát lẫn nhau. Hiện nay bà H không còn tình cảm và xin ly hôn với ông thì ông đồng ý và đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: 02 con chung là Trần Thanh P, sinh ngày: 10/7/1990 và Trần Thị Thúy H1, sinh ngày: 10/01/1993 đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H thì bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn M nên đây là tranh chấp "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Trần Văn M cư trú tại xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre do đó căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: bà H và ông M đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông M trong vụ án này.

[4] Về hôn nhân*:* xét bà H và ông M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy nay bà H có yêu cầu ly hôn với ông M và ông cũng đồng ý do đó cần áp dụng vào điểm b, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông M.

[5] Về con chung: trong quá trình sống chung bà H và ông M có 02 con chung: Trần Thanh P, sinh ngày: 10/7/1990 và Trần Thị Thúy H, sinh ngày: 10/01/1993 đều đã trưởng thành; bà H và ông M không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: bà H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 09/6/2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị H và ông Trần Văn M.

2. Về con chung: 02 con chung: Trần Thanh P, sinh ngày: 10/7/1990 và Trần Thị Thúy H, sinh ngày: 10/01/1993 đều đã trưởng thành; bà H và ông M không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0021585 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phan Cẩm Nhung